|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CÂU | ĐÁP ÁN **SINH** *– KHỐI 11(XH)* | ĐIỂM |
| 1 | * Tạo ra sức hút nước ở rễ. * Giảm nhiệt độ bề mặt thoát hơi → tránh cho lá, cây không bị đốt nóng khi nhiệt độ quá cao. * Giúp khí khổng mở tạo điều kiện để CO2 đi vào thực hiện quá trình quang hợp, * Giải phóng O2 điều hoà không khí.... | 0.5  0.5  0.5  0.5 |
| 2 | Đứng dưới bóng cây có quá trình thoát hơi nước của lá làm hạ nhiệt độ môi trường xung quanh | 1 |
| 3 | * Quá trình cố định ni tơ phân tử: là sự liên kết giữa N2 với H2 hình thành NH3 * Con đường sinh học cố định nitơ: Thực hiện trong điều kiện có các lực khử mạnh,/ được cung cấp ATP, /có sự tham gia của enzim nitrogenaza,kị khí. /Do các vi sinh vật thực hiện, gồm 2 nhóm:   + Nhóm VSV sống tự do như vi khuẩn lam  + Nhóm cộng sinh với rễ cây Họ đậu là chi Rhizobium | 0.5  1  0.25  0.25 |
| 4 | Phản ni trat: Nitrát (NO3-)N2  /Trong đất xảy ra quá trình chuyển hóa NO3- 🡒 thành N2 do vi sinh vật kị khí thực hiện, /diễn ra mạnh trong đất kị khí . /Ngăn chặn sự mất mát ni tơ cần làm cho đất thoáng | 1 |
| 5 | Tiêu hoá ở động vật có ống tiêu hoá:   * Thức ăn được tiêu hóa ngoại bào . * Thức ăn đi qua ống tiêu hoá được biến đổi cơ học, hoá học /trở thành những chất dinh dưỡng đơn giản và được hấp thụ vào máu. * Các chất không được tiêu hoá trong ống tiêu hoá sẽ tạo thành phân và được thải ra ngoài * Ví dụ: Tiêu hoá ở giun đất, côn trùng, chim, tiêu hoá ở người | 0.5  0.5  0.5  0.5 |
| 6 | * Tiêu hoá là quá trình biến đổi các chất dinh dưỡng có trong thức ăn/ thành những chất đơn giản/ cho cơ thể hấp thụ * Tiêu hoá nội bào (động vật đơn bào): /thức ăn được tiêu hoá trong không bào tiêu hoá * Tiêu hoá ngoại bào (nhóm động vật khác):/ thức ăn được tiêu hoá ở bên ngoài tế bào, /trong túi tiêu hoá hoặc trong ống tiêu hoá | 0.75  0.5  0.75 |